

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 21/3/2019;
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Hoa Kiều;**

2/ Bà **Dương Hiền Huệ;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương,** thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Ngày 21 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 611/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXX-ST ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Nguyễn Thị C** – sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

*** Bị đơn:** **Nguyễn Ngọc D** - sinh năm: 1973;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bùi Thị E - sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc D cưới nhau vào năm 2007 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 08/5/2007. Cuộc sống chung của vợ chồng rất hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh D thường ăn nhậu, cờ bạc, chửi mắng và đánh đập vợ con.

Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D vẫn không thay đổi nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2017. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

Về con chung: Có 01 con chung, cháu tên Nguyễn Minh F - sinh ngày 17/3/2008. Hiện tại cháu F đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu F và chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ bà Bùi Thị E số tiền 40.000.000 đồng. Khi ly hôn, do bà E không yêu cầu trả nợ nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về tình cảm: Anh thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do một phần lỗi của anh vì đôi khi ăn nhậu về do không kiểm chế bản thân nên anh có cự cãi và đánh chị C một bực tay; ngoài ra anh có cờ bạc và nợ nần; chị C đã cho anh nhiều lần để anh sửa chữa, thay đổi bản thân. Nay chị C xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con, anh xin cơ hội cuối cùng để sửa chữa thay đổi bản thân, nếu lần này anh không thay đổi được thì anh sẽ đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 01 con chung như chị C trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu nuôi dưỡng cháu F và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ mẹ bà Bùi Thị E 40.000.000 đồng, Nếu Tòa cho ly hôn, anh sẽ thỏa thuận với bà E, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà là mẹ ruột của Nguyễn Ngọc D. Trước đây bà có cho D và C mượn 40.000.000 đồng để làm vốn buôn bán. Trong trường hợp Tòa cho C và D ly hôn, đối với khoản nợ bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị C cương quyết xin ly hôn vì anh D thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gia đình và đánh đập, chửi mắng vợ con; anh D cũng thừa nhận trong thời gian sống chung anh có cờ bạc gây nợ nần, đôi khi đi nhậu về do không kiểm chế bản thân có cự cãi và đánh vào mặt chị C, tuy nhiên chị C xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ thương con. Xét thấy tại đơn xác nhận ngày 14/02/2019, Ủy ban

nhân dân xã B xác nhận mâu thuẫn giữa chị C và anh D thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh chị đều thống nhất vợ chồng anh chị mâu thuẫn từ năm 2009 nguyên nhân do anh D cờ bạc gây nợ nần, thường xuyên uống rượu, chị C đã nhiều lần cho anh D cơ hội để sửa chữa, thay đổi tính tình nhưng anh D vẫn không thay đổi. Như vậy trong cuộc sống hôn nhân giữa chị C và anh D đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, không có khả năng hàn gắn. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh D.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu F đang sống ổn định với chị C, do đó việc chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu F là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu F nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh D không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị C, anh D và bà E không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh F, sinh ngày 17/3/2008. Anh Nguyễn Ngọc D được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015357 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, như vậy chị C đã thi hành xong.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy